| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CĐ**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 85/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 26-11- 2021
"V/v Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Út

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

2. Bà Phạm Ngọc Mai

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Văn Tùng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 225/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Chị Bùi Thanh T1, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp 1, xã LC, huyện CĐ, tỉnh Long An (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp 1, xã LC, huyện CĐ, tỉnh Long An (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 20/4/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thanh T1 trình bày*: Chị và anh T2 cưới nhau vào năm 1998, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/11/2002 tại Uỷ ban nhân xã LC, huyện CĐ, tỉnh Long An. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T1 yêu cầu ly hôn với anh T2.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Chí K, sinh ngày 06/10/2003 đã trưởng thành, Nguyễn Chí B, sinh ngày 11/6/2009 hiện đang sống với chị T1. Khi ly hôn chị T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu B và cháu B cũng có nguyên vọng sống

với mẹ, chị không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con, còn cháu K đã trưởng thành nên việc sống với cha hay mẹ là tùy ở con.

- Về chia tài sản và nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T2, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T2 nhưng anh T2 có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Chị Bùi Thanh T1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T2 là quan hệ tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

Đối với anh Nguyễn Văn T2, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T2 có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh T2.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thanh T1 và anh Nguyễn Văn T2 cưới nhau vào năm 1998, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/11/2002 tại Uỷ ban nhân xã LC huyện CĐ, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị T1 thì nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do tính tình giữa chị T1 và anh T2 không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc nên đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Chị T1 nhận thấy không còn tình cảm với anh T2 nên yêu cầu được ly hôn với anh T2. Đối với anh T2, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T2 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt cho thấy anh T2 cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chấp nhận để hội đồng xét xử căn cứ vào các qui định của pháp luật giải quyết vụ án. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T1 và anh T2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần xử chấp nhận cho chị T1 được ly hôn với anh T2.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Chí K, sinh ngày 06/10/2003 đã trưởng thành, Nguyễn Chí B, sinh ngày 11/6/2009 hiện đang sống với mẹ. Xét thấy, từ khi chị T1 và anh T2 sống ly thân với nhau thì cháu B sống với chị T1 và cháu B cũng có nguyên vọng sống với mẹ nên việc chị T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu B là phù hợp cần được chấp nhận. Đối với cháu K hiện nay đã trưởng thành nên việc sống với cha hay mẹ là tùy ở cháu K.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con."

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T1 không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4] Về chia tài sản và nợ chung: Chị T1 trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập.

[3] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Chị T1 phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

[4] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 điều 227; Điều 271; Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83,84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Bùi Thanh T1 với bị đơn anh Nguyễn Văn T2.

1.Về hôn nhân: Chị Bùi Thanh T1 được ly hôn với anh Nguyễn Văn T2.

2.Về nuôi con chung: Chị T1 được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con là Nguyễn Chí B, sinh ngày 11/6/2009 hiện đang sống với chị T1, anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T1 không yêu cầu. Đối với Nguyễn Chí K, sinh ngày 06/10/2003 đã trưởng thành nên việc sống với cha hay mẹ là do cháu K tự quyết định.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một

hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con."

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị T1 trình bày không có nên không đề cập.

4. Về án phí: Chị Bùi Thanh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009754 ngày 05/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CĐ, chị T1 đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đựoc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyên thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện CĐ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Út**